

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/LĐ-PT

Ngày 17-4-2024

V/v Đơn phương chấm dứt Hợp
đồng lao động, tiền lương và trợ
cấp chấm dứt Hợp đồng lao động

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Biền

Ông Nguyễn Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Bà Mai Thị Bích Huyền
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 03/2023/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động, tiền lương và trợ cấp chấm dứt Hợp đồng lao động.

Do bản án lao động sơ thẩm số 04/2023/LĐ-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 188/2023/QĐ-PT ngày 04-4-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số G, ô A, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Chị Phùng Thị Huyền T, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ A Khu G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: B N, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội (theo giấy uỷ quyền ngày 12-11-2022). (Chị T có mặt; anh H1 vắng mặt tại phiên tòa.)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Hoàng Vĩnh T1;

Luật sư Nguyễn Văn T2; Luật sư Phạm Thế H2; Luật sư Lê Thu H3 – đều thuộc Công ty L1 - Đoàn luật sư thành phố H. *(Các luật sư vắng mặt tại phiên tòa).*

- Bị đơn: Trường Cao đẳng C; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T3 – Chức vụ: Hiệu trưởng, địa chỉ trụ sở: Số F đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt.)*

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T3: Bà Vũ Thị Thanh H4, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số A P, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định; ông Trần Văn P, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số A G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; ông Hoàng Mai S, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số D T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt.)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Đặng Thị H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Đặng Thị H được Trường Cao đẳng C (sau đây gọi là Trường D - C) ký hợp đồng lao động số 271 thời hạn 12 tháng kể từ ngày 01-4-2008 đến 31-3-2009 và Quyết định tiếp nhận và phân công cán bộ số 638/QĐ-CĐNCNDM ngày 25-3-2008. Ngày 01-4-2009 Trường C ký hợp đồng không xác định thời hạn và Quyết định bổ nhiệm viên chức vào ngạch Giáo viên trung học của Hiệu trưởng Trường D - May N với hệ số lương 2,34. Khi được tuyển dụng thì công việc chính của bà H là giáo viên trung học ngành Công nghệ thông tin và là viên chức của Trường D - M Nam Định.

Trong quá trình công tác bà H đều được nâng lương thường xuyên và tăng phụ cấp thâm niên nhà giáo. Lần nâng lương gần nhất là năm 2020. Về chế độ bảo hiểm của bà H được nhà trường trích đóng hàng tháng.

Cụ thể: Quá trình công tác, lương và phụ cấp của bà H như sau:

- Từ tháng 01-2014 đến tháng 9-2014 hưởng bậc 2, hệ số 2,67; từ tháng 10-2014 đến 12-2019 hưởng bậc 3, hệ số 3,00; từ 01-01-2020 đến hết tháng 4-2021 hưởng bậc 4 hệ số 3,33.

- Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Từ tháng 01-2014 đến tháng 3-2015 hưởng 5%; từ tháng 04-2014 đến tháng 3-2016 hưởng 6%; từ tháng 4-2016 đến tháng 3-2017 hưởng 7%; từ tháng 4-2017 đến tháng 6-2019 hưởng 8%; từ tháng 07-2019 đến tháng 6-2020 hưởng 9%; từ tháng 7-2020 đến tháng 4-2021 hưởng 10%.

Về tiền lương và thu nhập trước khi nhận quyết định chấm dứt Hợp đồng làm việc của bà H là 6.373.304 đồng được tính theo công thức: lương cơ sở 1.490.000 x hệ số 3,33 (bậc 4) + phụ cấp thâm niên nhà giáo 10% + 30% phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (theo điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDDT-BNV-BTC) sau khi trừ nghĩa vụ đóng bảo hiểm.

Bà H đã nhận được đầy đủ tiền lương và phụ cấp đến hết tháng 3 năm 2014 bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng V chi nhánh thành phố N số tài khoản 00004545976 theo đúng ngạch, bậc. Sau khi nhận được bản sao kê Ngân

hàng ghi báo có bà H có thừa nhận kể từ tháng 4 năm 2014 cho đến khi nhà trường đột ngột ban hành Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà H, bà H đã nhận và sử dụng khoản tiền mà Trường D - M Nam Định đã chuyển khoản cho bà H là 232.891.909 đồng nhưng số tiền không đúng với lương theo bậc lương của bà H. Do đó, bà H yêu cầu Trường C còn phải thanh toán cho bà H số tiền lương là 151.149.385 đồng.

- Về việc nhà trường ra Quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng làm việc số 104/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 đối với bà Đặng Thị H.

Trước khi nhà trường ra Quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng làm việc, bà H không được thông báo hay tham gia các cuộc họp về việc nhà trường sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với cá nhân bà H. Bà H cũng không có đơn đề nghị được tinh giản biên chế, cũng không được thông báo về việc cá nhân mình thuộc diện tinh giản biên chế hay đơn xin thôi việc, đơn xin nghỉ không hưởng lương mà là do đơn phương từ phía nhà trường cho bà H nghỉ việc. Sau khi nhận Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc số 104/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 và Quyết định số 105/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 nhà trường kèm theo Bảng kê chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với bà Đặng Thị H với mức trợ cấp thôi việc là 0,5 tháng lương cho mỗi năm công tác và hỗ trợ 03 tháng lương hỗ trợ thôi việc. Xét thấy các Quyết định trên là không đúng trình tự thủ tục, các chế độ mà bà H được nhận không thỏa đáng, vi phạm thời gian báo trước vì vậy bà H đề nghị Tòa án tuyên bố Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc số 104/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 của Trường D - M Nam Định là trái luật. Bà H không có nguyện vọng trở lại trường làm việc nên đề nghị Trường C phải thực hiện chi trả các chế độ cho bà H theo chính sách tinh giản biên chế được quy định tại Nghị định 108/2014/CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 108) vì T - M Nam Định là đơn vị sự nghiệp công lập. Bà H là viên chức nên thuộc đối tượng áp dụng chính sách tinh giản biên chế (căn cứ vào Điều 6 Nghị định 108 và các Nghị định sửa đổi bổ sung). Ngoài ra, tại bảng kê chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc kèm theo Quyết định số 105/QĐ-CĐCNDM ngày 26-4-2021 có ghi rõ việc chi trả theo chế độ tinh giản biên chế. Đồng thời, tại buổi hòa giải ngày 22-11-2021 tại Phòng C cũng thừa nhận việc cho các giáo viên thôi việc là thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

Về chế độ bà H được hưởng khi tinh giản biên chế: Đối chiếu với qui định tại Điều 10 Nghị định 108 thì bà H sẽ nhận được các khoản trợ cấp như sau:

Được trợ cấp 3 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm và trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác. Cụ thể số tiền trợ cấp được xác định như sau: 03 tháng tiền lương hiện hưởng là lương theo ngạch bậc, phụ cấp thâm niên nghề giáo trừ tiền đóng bảo hiểm và phụ cấp ưu đãi nhà giáo là: 6.373.304 đồng x 3 = 19.119.912 đồng.

Bà H có thời gian đóng bảo hiểm (từ khi bắt đầu đóng bảo hiểm đến tháng 4 năm 2021 là: 11 năm 10 tháng x 1,5 tháng tiền lương (tiền lương thực lĩnh của

trung bình 60 tháng trước khi tinh giản biên chế (trung bình là 5.182.162 đồng) = 93.278.916 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp theo tinh giản biên chế bà H đề nghị được nhận là: 112.398.828 đồng.

Ngoài ra, bà H xác nhận đã nhận quyết định thôi việc, sổ bảo hiểm xã hội và Bảng kê hỗ trợ viên chức và đã nộp kèm theo đơn khởi kiện, được nhận được chế độ chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc của Nhà trường như thông báo tại Quyết định số 105/QĐ-CĐCNDM ngày 26-04-2021 của Hiệu trưởng Trường D - C qua tài khoản cá nhân là 18.705.480 đồng, số tiền còn lại là 3.126.000 đồng bà H đã ký chứng từ nhưng không được nhận tiền.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Yêu cầu Tòa tuyên bố Quyết định số 104/QĐ-CĐCNDM ngày 26-04-2021 của Hiệu trưởng T - C về việc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Đặng Thị H là trái luật. Bà H không có nguyện vọng trở lại T - May N làm việc nên buộc Trường D - May N phải thực hiện chi trả chế độ tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập số tiền là 112.398.828 đồng.

- Yêu cầu Trường Cao đẳng Công nghiệp D - May N bồi thường cho bà H do đã thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật như sau:

Nhà trường phải trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày bà H không được làm việc từ ngày 01-5-2021 đến ngày 29-9-2023 (ngày xét xử) và trả thêm 6 tháng tiền lương.

- + Thời gian từ 01-5-2021 tạm tính đến 29-9-2023 tổng là 28 tháng 29 ngày

- + Mức lương tại thời điểm nhà trường ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc với bà H là 6.373.304 đồng.

Do đó số tiền lương trong những ngày bà H không được làm việc tạm tính đến ngày 29-9-2023 là 183.763.598 đồng.

Phải trả thêm cho bà H 6 tháng tiền lương x 6.373.304 đồng = 38.239.824 đồng.

- Về tiền lương: Yêu cầu nhà trường còn phải thanh toán tiền lương còn thiếu từ ngày 01-4-2014 đến hết tháng 4 năm 2021 là 151.149.385 đồng.

- Yêu cầu buộc Trường D - May N có nghĩa vụ bồi thường chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng.

- Yêu cầu Trường D - C phải xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của báo L2 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Trường Cao đẳng C trình bày:

Về tư cách pháp lý: Trường Dệt - May N tiền thân là T4 Công nhân kỹ thuật trực thuộc nhà máy D1 được thành lập theo Quyết định số 934/BCNN ngày 25-7-1968 của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-9-1996 được đổi tên thành Trường C trực thuộc Tổng công ty D2 theo Quyết định số 2552/QĐ-TCCB của Bộ C1 nhẹ. Ngày 16-03-1998 được đổi tên thành Trường C trực thuộc Tổng công ty D2 theo quyết định số 17/1998/QĐ-BCN của Bộ C1. Năm 2003, trường nâng cấp thành Trường T5 - Kỹ thuật Dệt - May trực thuộc Tổng công ty D2 theo Quyết định số 252/2003/QĐ-BCN ngày 31-12-2003 của Bộ C1. Đến năm 2007 trường nâng cấp thành Trường cao đẳng C thuộc Tập đoàn D3 theo Quyết định số 612/QĐ-BLĐTBOXH ngày 11-5-2007 của Bộ L3. Ngày 09-4-2009 trường được đổi tên thành Trường cao đẳng T5 thuộc Tập đoàn D3 theo Quyết định số 455/QĐ-BLĐTBOXH của Bộ L3. Ngày 07-02-2017 trường được đổi tên thành Trường cao đẳng C theo Quyết định số 133/QĐ-LĐTBOXH của Bộ L3.

Ngày 06-5-2014 Tập đoàn D3 được phê duyệt phương án cổ phần hóa theo Quyết định số 646/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ sở hữu nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ. Theo phương án cổ phần hóa, giá trị các đơn vị sự nghiệp thuộc phần vốn nhà nước; tập đoàn tiếp tục hưởng các cơ chế tài chính đối với các trường đào tạo trong ngành dệt may theo Thông tư số 32/2010/TT-BTC ngày 09-3-2010 của Bộ T6 về thực hiện “Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”. Theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-06-2015 về việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Vinatex thì Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D3 quản lý vốn, tài sản, nhân sự của 07 đơn vị sự nghiệp thuộc tập đoàn T7.

Về tài chính: Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020 T - May N được thụ hưởng một phần nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ “để tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức thực hiện đào tạo” theo chương trình đào tạo nguồn nhân lực Dệt May Việt Nam của Thông tư số 32/2010/TT-BTC ngày 09-03-2010 của Bộ T6. Nguồn kinh phí chỉ hỗ trợ cho 03 ngành là: Dệt may; thiết kế thời trang; dệt nhuộm, trên tổng số 12 ngành nghề mà T - C tuyển sinh và đào tạo trong giai đoạn từ 2010 - 2020. Từ năm 2021, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực dệt may, T - May N thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-03-2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Về tiền lương: Quyết định tiếp nhận và phân công cán bộ số 638/QĐ-ĐNCNDM ngày 25-3-2008 và Quyết định bổ nhiệm viên chức đối với bà H vào ngạch Giáo viên trung học của Hiệu trưởng Trường cao đẳng C và nay là Trường D - May N thì bà Đặng Thị H được tuyển dụng để làm Giáo viên được hưởng hệ số lương 2,34. Định kỳ 3 năm một lần, bà H đều có quyết định tăng lương theo từng bậc, với hệ số lương tương ứng. Ngày 01-4-2009 bà H được bổ nhiệm vào ngạch giáo viên trung học mã số A1-15.113, trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành công nghệ thông tin; bậc 01, hệ số 2,34). Từ khi tuyển dụng bà H hưởng lương theo bậc lương, đồng thời còn được hưởng phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo. Tiền đóng bảo hiểm xã hội của bà H được Trường C đóng hàng tháng theo ngạch bậc lương. Từ ngày 01-4-2014 đến khi chấm dứt hợp đồng lao động, các cán bộ,

viên chức nói chung của Trường D - M Nam Định và bà Đặng Thị H nói riêng được hưởng lương theo cơ chế “Khoán công việc, tự chủ một phần lương”. Tiền lương được tính theo công thức sau: Lương thực lĩnh = {(L cơ bản x hệ số lương theo bậc) – số tiền bảo hiểm phải đóng}: 22 ngày công x số ngày công thực tế (các ngày mà giáo viên có giờ dạy thực tế). T4 đã chi trả đầy đủ lương và phụ cấp cho bà H.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo và chủ trương của Tập đoàn D3 theo Công văn số 1052/TĐDMVN-QLNNL ngày 11-12-2018 về công tác cán bộ và tái cơ cấu tổ chức bộ máy C; Công văn số 31/TĐDMVN-QLNNL ngày 10-01-2020 của Tập đoàn D3 về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường D - C; căn cứ số lượng ngành nghề đào tạo, số lượng chỉ tiêu được giao của T8; số lượng học sinh, sinh viên thực tế đang đào tạo tại trường và các đơn vị liên kết; dự kiến quy mô tuyển sinh và đào tạo trong giai đoạn năm tiếp theo; tình hình thực tế về nguồn tài chính, công tác tuyển sinh và đào tạo, các nhiệm vụ khác được cấp trên giao; T - M Nam Định đã ban hành Nghị quyết số 146/NQ-HĐT ngày 03-6-2020 của Hội đồng trường về việc xác định số lượng nhân lực cần sử dụng và số lượng nhân lực dôi dư tại các đơn vị trực thuộc Trường; Nghị quyết số 02/NQ-ĐUCĐ ngày 23-6-2020 của Đảng uỷ trường về việc xác định số lượng nhân lực cần sử dụng và số lượng nhân lực dôi dư tại các đơn vị trực thuộc; Quyết định số 175/QĐ-CĐNCNDM ngày 01-7-2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc xác định số lượng nhân lực cần sử dụng và số lượng nhân lực dôi dư tại các đơn vị trực thuộc.

Để xác định số viên chức, lao động dôi dư, Trường C đã triển khai quy trình như sau: 1) Xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách và Bộ T9 đánh giá, chấm điểm xác định nhân lực định biên và nhân lực dôi dư; 2) Triển khai đánh giá, chấm điểm xác định nhân lực định biên và nhân lực dôi dư; 3) Đảng uỷ và Hội đồng trường họp thảo luận và thống nhất danh sách viên chức dôi dư thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc, thông báo kết quả đến các chi bộ, đơn vị, các tổ chức đoàn thể để thông báo và phổ biến cho toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động trong toàn trường. Sau khi thực hiện quy trình xác định số lao động dôi dư, căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-09-2020 của Chính phủ và Luật viên chức số 58/2010/QH12, Hiệu trưởng T - May N đã ra Quyết định số 104/QĐ-CĐNCNDM ngày 26-4-2021 về việc chấm dứt hợp đồng làm việc; Quyết định số 105/QĐ-CĐNCNDM ngày 26-4-2021 về việc chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc đối với bà Đặng Thị H. Mức trợ cấp thôi việc là 0,5 tháng lương cho mỗi năm công tác và hỗ trợ thôi việc 03 tháng lương.

Nhà trường thực hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng do những lý do khách quan như sau: Trường vẫn thuộc Tập đoàn D3 tạm giao quản lý không có cơ chế chính sách hỗ trợ trường như các trường công lập trực thuộc Chính phủ, Bộ, địa phương. T4 thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn D3 giao nhiệm vụ bằng mọi cách thu hẹp quy mô và giảm biên chế tới mức tối đa có thể để duy trì hoạt động ổn định Nhà trường trong lúc đang chờ Chính phủ quyết định ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ Nhà trường và đơn vị chủ quản chính thức. Do cuối năm 2019, năm 2020 và đầu năm 2021 đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Chính phủ xiết chặt công tác kiểm soát dịch bệnh, đi lại của toàn xã hội làm ảnh

hưởng lớn đến công tác tiếp thị tuyển sinh tới người học và phụ huynh do đó số lượng tuyển sinh, nguồn thu tài chính của T4 mất cân đối thu chi Nhà trường buộc phải thu hẹp quy mô hoạt động và giảm biên chế. Năm 2021 trở đi T4 thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ. Nhà trường không được Nhà nước cấp ngân sách chi cho hoạt động thường xuyên, không có ngân sách cấp hỗ trợ đào tạo,.. Do đó tình hình T4 rất khó khăn không cân đối được thu chi, dôi thừa biên chế so với nhiệm vụ do số lượng học sinh, sinh viên sụt giảm nghiêm trọng, để ổn định và duy trì hoạt động T4 phải sắp xếp tinh gọn bộ máy, nhân sự phù hợp với tình hình thực tế. Trong bối cảnh từ năm 2014 đến nay công tác tuyển sinh khó khăn, mất cân đối thu chi, nhân lực dôi dư không bố trí được việc làm (lãnh đạo Nhà trường đã tìm mọi giải pháp để khắc phục khó khăn, cho giáo viên học tập, bồi dưỡng để chuyển đổi vị trí việc làm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên liên hệ chuyển công tác, làm việc bên ngoài để lo cho đời sống, bố trí Nhà xưởng cho cán bộ công nhân viên có việc làm nhưng giáo viên không có nhu cầu làm việc mới) do tình hình hoạt động của Nhà trường bất khả kháng về bố trí việc làm và nguồn kinh phí không đủ chi trả tiền lương, bảo hiểm do đó T4 đã thực hiện các bước quy trình giải quyết lao động dôi dư theo quy định của pháp luật.

Trước khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H, Nhà trường đã gặp mặt, giải thích; thông báo thời điểm chấm dứt hợp đồng làm việc (Thông báo đăng Công nghiệp Dệt - C về việc triệu tập cuộc họp về việc thông báo chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức; Biên bản cuộc họp gặp mặt, trao đổi, đối thoại, thông báo thời điểm Nhà trường chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức ngày 15 tháng 3 năm 2021). Nhà trường đã thực hiện việc báo trước là hơn 45 ngày, do đó không vi phạm thời hạn báo trước đối với các giáo viên.

Sau khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Đặng Thị H, Nhà trường đã giao cho bà H quyết định thôi việc, chi trả trợ cấp, hỗ trợ thôi việc; hồ sơ viên chức; sổ bảo hiểm xã hội và nhận chế độ chi trả trợ cấp và hỗ trợ thôi việc của Nhà trường chi trả bằng hình thức chuyển khoản đến tài cá nhân của bà H.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị H. Quan điểm của nhà trường như sau:

- Việc T - C ra Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với bà Đặng Thị H là dựa trên căn cứ tại điểm b, khoản 1, Điều 57 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-09-2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 29, Luật viên chức số: 58/2010/QH12; căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 39, Nghị định hợp nhất số 03/NĐHN-BNV ngày 21-5-2019 của Bộ N; điểm a, b, d Khoản 1, Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25-09-2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức để thực hiện chi trả trợ cấp thôi việc đối với viên chức theo quy định đồng thời hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm kiếm việc làm. Vì vậy, Nhà trường không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đề nghị tuyên bố Quyết

định số 104/QĐ-CĐCNDM ngày 26-04-2021 của Hiệu trưởng T - C về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Đặng Thị H là trái luật.

- Về yêu cầu của bà Đặng Thị H buộc T4 có trách nhiệm chi trả các khoản tiền trợ cấp mất việc theo chính sách tinh giản biên chế nhà trường không chấp nhận. Các giáo viên không thuộc trường hợp nghỉ việc theo chính sách tinh giản biên chế mà thuộc trường hợp Nhà trường đơn phương chấm dứt hợp đồng (áp dụng theo Luật viên chức và Nghị định 115/2020/NĐ-CP, Điều 39 Nghị định hợp nhất số 03/2019 ngày 21-5-2019 của Bộ N). Nhà trường là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D3 quản lý theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-06-2015 của Văn phòng C2. Nhà trường không được Nhà nước cấp ngân sách bảo đảm chi thường xuyên cũng như đảm bảo một phần chi thường xuyên. Sau khi Tập đoàn D3 đã cổ phần hoá, T4 cũng không thuộc phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện áp dụng tại điều 1 Nghị định 108 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để giải quyết chế độ cho viên chức thôi việc. Để Nhà trường được vận dụng Nghị định số 108/2014/NĐ-CP cần phải có đề nghị của Tập đoàn D3 và được sự phê duyệt của các bộ gồm có Bộ N, Bộ T6, Bộ L3, Bộ C3. Nhà trường không có nguồn kinh phí thường xuyên và không được nhà nước cấp nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Điều 13 Nghị định 108 của Chính phủ; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31-08-2018 của Chính phủ, Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Nhà trường chỉ là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp nhà nước là Tập đoàn D3. Đến năm 2015 do Tập đoàn D3 cổ phần hóa thì nhà trường chỉ là đơn vị sự nghiệp được Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D3 quản lý. Ngoài ra, các giáo viên không thuộc đối tượng áp dụng cũng như không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định 108 của Chính phủ và Nghị định số 143/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108 của Chính phủ để giải quyết chế độ cho viên chức thôi việc. Các giáo viên là viên chức thuộc doanh nghiệp đã cổ phần hóa không phải là viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo khoản 2 Điều 1 Nghị định 108/2014.

- Về yêu cầu buộc T4 có trách nhiệm bồi thường cho bà Đặng Thị H do đã thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật, ý kiến của nhà trường là yêu cầu này của bà Đặng Thị H là không có cơ sở và căn cứ pháp lý. Nhà trường đã thực hiện đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc theo đúng quy định pháp luật nên không nhất trí với yêu cầu này.

- Về yêu cầu buộc T4 có trách nhiệm chi trả số tiền lương theo hệ số lương: Do Trường C thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, trang trải mọi chi phí nên từ ngày 01-4-2014 đến nay, các cán bộ, viên chức của Trường D - M Nam Định được hưởng lương theo cơ chế “Khoán công việc, tự chủ một phần lương”, cơ chế hưởng lương này đã được Nhà trường họp bàn và thông qua các khoa phòng. Trước khi nghỉ việc các giáo viên và bà H đã nhất trí hưởng theo mức lương này. Trường C yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện này.

- Không chấp nhận yêu cầu nhận bà Đặng Thị H trở lại làm việc.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc Trường D - May N có nghĩa vụ bồi thường chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu Trường C phải xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của báo L2 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật.

3. Tại công văn số 215/TDDMVN-QLNNL ngày 105-2023 của Tập đoàn D3 phúc đáp đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định như sau:

- Về địa vị pháp lý của Trường D - M Nam Định: Trường Dệt - May N tiền thân là T4 Công nhân kỹ thuật trực thuộc Nhà máy D1. Từ năm 2003 trường được nâng cấp và giao cho Tập đoàn D3 để thực hiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực dệt may của Chính phủ.

Tại thời điểm cổ phần hóa do cơ chế chính sách về cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp chưa có nên giá trị các đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn quản lý được loại ra không định giá trong giá trị doanh nghiệp của Tập đoàn khi cổ phần hóa. Vì vậy, Chính phủ tạm giao cho Tập đoàn D3 quản lý vốn và nhân sự theo văn bản số 3993/VPCP-ĐMDN ngày 01-6-2015 của Văn phòng Chính phủ và Thông báo số 416/TB-BCT ngày 09-12-2015 của Bộ C3 về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp. Tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tập đoàn D3 đều thuộc sở hữu nhà nước, độc lập với vốn, tài sản của Tập đoàn; cơ cấu tổ chức và hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập; được các cơ quan nhà nước thành lập và quản lý từ khi thành lập cho đến nay. Hiện tại Bộ C3 đang trình Chính phủ phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp do Tập đoàn tạm quản lý.

- Về thực hiện chế độ đối với giáo viên thôi việc: Để chuẩn bị cho việc chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm thì năm 2015 trước khi Tập đoàn chuyển sang hoạt động theo cơ chế Công ty cổ phần - đã hỗ trợ nhà trường sắp xếp lại lao động với số tiền 5,527 tỷ đồng từ kinh phí của Tập đoàn để giải quyết 80 lao động dôi dư theo Nghị định 108/NĐ-CP sau khi phương án tinh giản biên chế của T4 được chấp thuận của Văn phòng C2 (Văn bản số 8109/VPCP-ĐMDN ngày 07-10-2015 về việc giải quyết lao động dôi dư tại Tập đoàn D3), Bộ N, Bộ T6, Bộ L3 và đề xuất của Bộ C3.

4. Tại công văn số 2183/BN-TCBC ngày 11-5-2023 của Bộ N phúc đáp đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định như sau:

Về việc xác định loại hình trường: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Viên chức năm 2010 và các quyết định thành lập, nâng cấp, đổi tên của Bộ C1 nhẹ nay là Bộ C3, Bộ L3 - thương binh và Xã hội thì Trường D - May N được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập.

Về việc áp dụng chính sách giải quyết chế độ đối với số lao động dôi dư tại T - M Nam Định: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 và khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20-11-2014 của Chính phủ thì chỉ áp dụng đối với các viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, nhà nước tổ chức chính trị xã hội (không có đối tượng là viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc

doanh nghiệp). Riêng đối với Trường D - May N trong quá trình sắp xếp, cổ phần hóa Tập đoàn D3, xét đề nghị của Bộ C3 và ý kiến các bộ ngành có liên quan (Tài chính, N, L3), Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý cho áp dụng qui định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP để giải quyết lao động dôi dư (theo đề án tinh giản biên chế của T4 được Bộ C3 phê duyệt), nguồn kinh phí để giải quyết tinh giản biên chế được trích từ lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ - Tập đoàn D3 trong giai đoạn chuyển đổi thành công ty cổ phần (Văn bản số 8109/VPCP-ĐMDN ngày 07-10-2015 của Văn phòng C2).

Về việc trả lương: Người làm việc tại T - M Nam Định nếu được xác định là viên chức theo qui định tại Luật Viên chức thì việc trả lương áp dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Từ nội dung trên, Tại bản án lao động sơ thẩm số 04/2023/LĐ-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 27 Bộ luật Lao động năm 1994 (sửa đổi bổ sung Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 39, khoản 1, 2 Điều 41, Điều 46; Điều 90; Điều 94; khoản 1 Điều 190 Bộ Luật Lao động 2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, khoản 1, 2 Điều 9, khoản 2 Điều 25 Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 1, Điều 6, Điều 10, Điều 12 Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; khoản 2 Điều 1 Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 10-12-2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31-8-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2004/NĐ-CP ngày 20-11-2004 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14-12-2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Điều 2, Điều 3 Nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04-7-2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động và Điều

26a Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24-10-2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12-01-2015;

Căn cứ Mục 2 Thông tư số 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27-6-2008 của Bộ L3 hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên dạy nghề; điểm b khoản 1 Mục II Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT - BGD&ĐT -BNV - BTC ngày Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập; Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ L3 - Thương binh và Xã hội ngày 10-3-2017 quy định quy chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Điều 23 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06-04-2012 của Chính phủ về quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H đối với Trường Cao đẳng C - May N về “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; về trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; tranh chấp về tiền lương”

1. Tuyên bố Quyết định số 104/QĐ-CĐDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng C về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc đối với bà Đặng Thị H là trái pháp luật.

Hủy Quyết định số 104/QĐ-CĐDM ngày 26-4-2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng C về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc với bà Đặng Thị H.

2. Buộc Trường Cao đẳng C phải chi trả cho bà Đặng Thị H theo chính sách tính gián biên chế là 88.226.000 đồng (*T2 mươi tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

3. Buộc Trường Cao đẳng C phải bồi thường cho bà Đặng Thị H số tiền lương trong những ngày không được làm việc, kể từ ngày 04-5-2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29-9-2023 (là 28 tháng 26 ngày) theo mức lương 4.884.794 đồng. Tổng số tiền 141.008.000 đồng (*Một trăm bốn mươi một triệu không trăm linh tám nghìn đồng*).

4. Buộc Trường Cao đẳng C phải bồi thường cho bà Đặng Thị H 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với mức lương 4.884.794 đồng là 9.770.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*).

5. Buộc Trường Cao đẳng C còn phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày bà Đặng Thị H không được làm việc.

6. Buộc bà Đặng Thị H phải trả lại Trường Cao đẳng C số tiền trợ cấp thôi việc đã nhận là 21.831.480 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm ba mươi một nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

Đôi trừ nghĩa vụ, buộc Trường Cao đẳng C phải trả cho bà Đặng Thị H số tiền 217.173.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng) (đã làm tròn số).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đặng Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Trường Cao đẳng C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Không chấp nhận yêu cầu buộc Trường Cao đẳng C thanh toán tiền lương cho bà Đặng Thị H thời điểm 01-4-2014 đến hết tháng 4-2021.

8. Không chấp nhận yêu cầu buộc Trường Cao đẳng C có nghĩa vụ bồi thường chi phí tố tụng, bao gồm phí thuê luật sư, photocopy, chứng thực tài liệu và chi phí đi lại là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

9. Không chấp nhận yêu cầu Trường Cao đẳng C phải xin lỗi công khai bằng văn bản, đăng ba kỳ liên tục trên trang điện tử và báo giấy của báo L2 về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật.

10. Kiến nghị Bộ C3, Bộ N, Bộ T6, Bộ L3, Bộ G và đào tạo, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tập đoàn D3 hỗ trợ kinh phí cho Trường Cao đẳng C giải quyết chế độ cho người lao động.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, bà Đặng Thị H làm đơn kháng cáo với lý do: Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm buộc Trường Cao đẳng C giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ tháng 4-2014 đến hết ngày 3-5-2021 và phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản.

* Tại phiên tòa phúc thẩm. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo và kháng cáo bổ sung:

1. Buộc Trường Cao đẳng C phải thanh toán tiền lương còn nợ đọng cho bà H từ năm 2014-2021 theo Điều 12 Luật viên chức năm 2010.

2. Mức lương làm cơ sở chi trả tiền lương và bồi thường phải bao gồm 30% phụ cấp lương đặc thù công việc.

3. Buộc Trường Cao đẳng C phải trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động 2019;

* Cụ thể, buộc Trường Cao đẳng C phải chi trả các khoản tiền sau cho bà H:

- Buộc Trường Cao đẳng C có trách nhiệm trả số tiền lương còn nợ nguyên đơn là 151.149.385 đồng.

- Bà H được hưởng phụ cấp nhà giáo 30% trong phán quyết về bồi thường 2 tháng tiền lương do thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật là 2.977.020 đồng.

- Buộc Trường cao đẳng C phải trả tiền phụ cấp nhà giáo 30% trong các phán quyết về khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giảm biên chế là 33.719.648 đồng.

- Do bị đơn không nhận lại nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý thì bị đơn phải trả 2 tháng tiền lương là 12.746.608 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà H yêu cầu bồi thường như đề nghị ở phần trên là 200.592.661 đồng.

Bởi lẽ: Bà H là viên chức Nhà nước, được hưởng lương theo quy định tại Điều 12 Luật Viên chức năm 2010 sửa đổi, bổ sung. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà phải biết về mức lương tự chủ và đã chấp nhận mức lương theo cơ chế tự chủ của Nhà trường là không đúng. Nhà trường chấm công không đúng thực tế, lên bảng lương và thanh toán lương không được thực hiện định kỳ hàng tháng và liên tục theo tháng nào cả, lương từ tháng 2 năm 2018 mà tận tháng 7 năm 2018 mới trả cho bà H nên bà không thể biết được số lương mình được nhận. Như vậy, tiền lương của bà H từ 01-4-2014 đến 30-4-2021 là 384.041.291 đồng, trừ số tiền 232.891.909 đồng đã nhận được theo tài khoản, nhà trường còn phải trả bà H số tiền 151.149.385 đồng.

Đối với mức lương làm cơ sở chi trả tiền lương và bồi thường phải bao gồm 30% phụ cấp lương đặc thù công việc. Bà H là giáo viên trực tiếp giảng dạy nên lương của bà H phải bao gồm 30% phụ cấp lương nhà giáo là phụ cấp theo chức danh nghề nghiệp đặc thù, thời gian không được hưởng phụ cấp nhà giáo được quy định rõ tại thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC. Lý do bị đơn đưa ra căn cứ tính theo Quy chế đặc thù do bị đơn tự xây dựng là không đúng quy định của luật pháp và bảng chấm công do bị đơn tự tạo lập không đúng thực tế, để xác định bà H không được hưởng 30% phụ cấp nhà giáo. Đề nghị HĐXX xem xét cho nguyên đơn được hưởng 30% phụ cấp nhà giáo.

Hệ quả của việc người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là phải nhận lại người lao động làm việc. Tuy nhiên tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về chấm dứt hợp đồng lao động nên bị đơn có trách nhiệm trả ít nhất hai tháng tiền lương cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác đơn kháng cáo của bà Đặng Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị H được làm trong thời hạn luật định và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Trường Cao đẳng C có địa chỉ trụ sở tại số F H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 25-3-2008 bà Đặng Thị H được Trường Cao đẳng C tiếp nhận về làm việc. Đến ngày 26-4-2021 Trường Cao đẳng C ra Quyết định số 104/QĐ-CĐCNDM về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc với bà Đặng Thị H kể từ ngày 04-5-2021. Ngày 23-12-2022 bà Đặng Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu trợ cấp mất việc; về tiền lương; bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật; tuyên bố vô hiệu đối với quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc; bồi thường chi phí tố tụng; xin lỗi công khai. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động; tranh chấp tiền lương; yêu cầu bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động theo điểm a, b khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Ông Nguyễn Khắc T3, bà Vũ Thị Thanh H4, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 296 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Khắc T3, bà Vũ Thị Thanh H4, ông Trần Văn P, ông Hoàng Mai S là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Đặng Thị H đề nghị toà án cấp phúc thẩm buộc Trường cao đẳng C giải quyết đối với khoản tiền lương cơ bản bị đơn chi trả còn thiếu, còn nợ trong khoảng thời gian từ 01-4-2014 đến 30-4-2021 là 151.149.385 đồng và phán quyết xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[2.1] Về thời hiệu: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Trường Cao đẳng C có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền lương còn nợ từ 01-4-2014 đến 30-4-2021 là 151.149.385 đồng. Thực tế bà H đã được nhà trường trả lương theo quy chế tự chủ của nhà trường từ tháng 4-2014 đến khi chấm dứt Hợp đồng lao động tháng 5-2021 thì không được trả lương. Xét thấy tranh chấp về tiền lương là một quan hệ pháp luật, việc trả lương của nhà trường được thực hiện hàng tháng và liên tục nên cần xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp này được tính kể từ thời điểm thực tế được trả lương cuối cùng là tháng 4-2021. Ngày 23-12-2022 bà Đặng Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Vì

vậy, căn cứ Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, HĐXX xác định yêu cầu khởi kiện về tiền lương của bà Đặng Thị H là còn thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Bà Đặng Thị H yêu cầu Trường Cao đẳng C có trách nhiệm trả cho bà số tiền lương còn nợ từ 01-4-2014 đến 30-4-2021 là 151.149.385 đồng. HĐXX nhận thấy: Các bên đương sự đã cung cấp các quyết định nâng lương và cũng đều thừa nhận trong quá trình công tác bà Đặng Thị H đều được nâng lương, tăng phụ cấp thâm niên nghề theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không xem xét về bậc lương và phụ cấp thâm niên nghề của bà H qua các thời điểm. Từ năm 2021, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực dệt may, nhà trường thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29-03-2021 của Thủ tướng Chính phủ. Do tình hình thực tế gặp khó khăn về tài chính, nhà trường đã ban hành các Quyết định số 966/QĐ-CĐNKTKT ngày 27-11-2013 về việc ban hành tập Quy chế nội bộ năm 2013, Quyết định số 184/QĐ-CĐNKTKT ngày 07-5-2014 về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định thuộc Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2013, Quyết định 253/QĐ-CĐNKTKT ngày 27-5-2016, Quyết định 320/QĐ-CĐNKTKT ngày 18-11-2020 trong đó có những quy định chế độ làm việc của giáo viên giảng dạy và quy định chi tiêu nội bộ về việc theo điều kiện cụ thể trong từng thời điểm trường sẽ tiến hành trao quyền tự chủ về tiền lương cho từng đơn vị. Nghị quyết số 42/NQ-ĐUCĐN ngày 25-3-2014 về công tác Quý II năm 2014 của Ban đã tổ chức hội nghị xây dựng Nghị quyết công tác quý II năm 2014 trong đó có mục thực hiện thí điểm cơ chế tự chủ 25% quỹ lương của đơn vị và giao quyền tự chủ cho các trường khoa đơn vị xây dựng các phương án... và mục điểm 3 mục I Nghị quyết số 43/NQ-ĐUCĐN ngày 17-4-2014 điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ; Quyết định số 229/QĐ-CĐNKTKT ngày 27-5-2014 về việc ban hành Quy định thực hiện thí điểm cơ chế “Khoán công việc, tự chủ một phần tiền lương đối với các đơn vị thuộc T4”. Điều này chứng tỏ ngay từ năm 2014 Trường C đã tiến hành cơ chế tự chủ tiền lương. Sau đó, hàng năm Trường C-May N đều ra các văn bản về cơ chế tự chủ một phần lương, gắn với lộ trình tinh giản biên chế đối với các đơn vị thuộc Trường như: Quyết định số 37/QĐ-CĐNKTKT ngày 30-01-2015; Quyết định số 394/QĐ-CĐNKTKT ngày 12-9-2016 về việc ban hành Quy định thực hiện cơ chế tự chủ một phần tiền lương; Thông báo số 224/TB-CĐNKTKT ngày 29-6-2017 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về cơ chế “Tự chủ một phần tiền lương”; Nghị quyết số 08-NQ-HĐT ngày 17-01-2018 triển khai chủ trương thực hiện cơ chế “Tự chủ một phần tiền lương năm 2018”; Thông báo số 12/TB-CĐCNDM ngày 17-01-2019 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về cơ chế “Tự chủ một phần tiền lương” và Thông báo số 63/TB-CĐCNDM ngày 19-4-2021 về việc thực hiện công tác tự chủ tài chính và tiền lương năm 2021. Các quy chế nội bộ trong đó có cơ chế “Khoán công việc, tự chủ một phần lương” được tính theo công thức: Lương thực lĩnh = {(L cơ bản x hệ số lương theo ngạch bậc) + phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) – số tiền bảo hiểm phải đóng} : 22 ngày công x số ngày công thực tế (các ngày mà giáo viên có giờ dạy thực tế) đều được thông báo, thực hiện công khai, lấy ý kiến đóng góp dân chủ, minh bạch và công khai rộng rãi tới toàn bộ cán bộ, viên chức, giáo

viên và công nhân viên trong toàn trường biết. Xét thấy Trường C đã ban hành nhiều văn bản như Nghị quyết, qui chế chi tiêu nội bộ để cụ thể hóa qui chế tự chủ theo văn bản chỉ đạo của Tập đoàn D3; các Nghị quyết, quyết định, thông báo về tự chủ tiền lương của Trường C không trái pháp luật về tiền lương, không trái với cơ chế nhà trường được giao, các văn bản được ban hành đúng quy trình, đều được thực hiện công khai, minh bạch phù hợp với thực tế của đơn vị. Sau khi được ban hành, thực tế quy chế nội bộ đã được thực hiện nhiều năm qua. Cụ thể: Hàng tháng trường các đơn vị trực thuộc triển khai chấm công cho cán bộ, công nhân viên, giáo viên đơn vị mình phụ trách, ký xác nhận bằng chấm công, gửi Phòng Tổ chức-Hành chính kiểm tra xác nhận trình Hiệu trưởng ký chuyển phòng Kế toán tính toán lương theo ngạch bậc của nhà nước quy định và quy chế “Khoán công việc, tự chủ một phần lương” của nhà trường.

Điều đó chứng tỏ, nguyên đơn đã biết và nhất trí với cách tính tiền lương nêu trên của nhà trường. Từ năm 2014 đến tháng 4-2021 tiền lương của các giáo viên đã được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản cá nhân và được vắn tin tài khoản qua số điện thoại nhưng bà H không có ý kiến phản đối, khiếu nại gì về việc trả lương của nhà trường. Ngoài ra, bà Đặng Thị H thừa nhận trước tháng 4-2014 tiền lương chuyển vào tài khoản cá nhân bà H với mức lương theo đúng ngạch bậc và phụ cấp nhưng từ tháng 4-2014 cho đến khi bà Đặng Thị H nhận Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc, Trường C có chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà H nhưng bà H không biết là tiền gì. Bà Đặng Thị H cũng biết trường khó khăn về tài chính, nguồn thu thấp do không có nguồn để đào tạo. Vì vậy, có cơ sở xác định bà H phải biết về mức lương tự chủ trong giai đoạn này và chấp nhận mức lương theo cơ chế tự chủ của Trường D - M Nam Định.

Ngoài ra, trong giai đoạn từ tháng 10 năm 2017 đến 31-12-2018 bà Đặng Thị H bị tạm đình chỉ công tác để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và xem xét xử lý kỷ luật. Căn cứ Điều 23 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06-04-2012 của Chính phủ về quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức bà Đặng Thị H được hưởng 50% của mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp thâm niên nghề. Đồng thời, theo quy định tại Khoản 7 Điều 42 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14-4-2017 của B thì người lao động mà bị tạm giam, tạm giữ hoặc tạm đình chỉ công tác để điều tra, xem xét kết luận có vi phạm hay không vi phạm pháp luật thì người lao động và đơn vị được tạm dừng đóng BHXH, BHTN... nhưng vẫn phải đóng bảo hiểm y tế. Vì vậy giai đoạn này bà H bị điều chỉnh giảm thời gian tham gia đóng bảo hiểm. Căn cứ vào bảng kê truy lĩnh tiền bảo hiểm theo Thông báo số 70/TB-CĐCNDM ngày 18-4-2019 của Trường D - M Nam Định và bảng sao kê các khoản ghi có của Ngân hàng TMCP C4 chi nhánh B thì số tiền trừ bảo hiểm đã trả lại cho bà H. Nền cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn về tiền lương thời điểm từ 01-4-2014 đến hết tháng 4-2021 không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] Về mức phụ cấp ưu đãi 30% nhà giáo: Theo Mục 2 Thông tư 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27-6-2008 tiêu chuẩn giờ giảng của giáo viên trong

một năm học chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng là từ 380 giờ đến 450 giờ và Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10-3-2017 quy định quy chế làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thì định mức giờ giảng của nhà giáo trong một năm học là từ 380 giờ đến 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng. Như vậy, trong giai đoạn 01-4-2014 đến 30-4-2021 thì các giáo viên giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng sẽ có định mức giờ dạy là từ 380 đến 450 giờ chuẩn.

Theo Quyết định số 184/QĐ-CDNKTKT ngày 07-5-2014 về việc điều chỉnh, bổ sung một số quy định thuộc Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2013 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng T5 kỹ thuật VINATEX nay là trường Cao đẳng Công nghiệp dệt may Nam Định quy định giáo viên trực tiếp giảng dạy đạt 65% số giờ chuẩn định mức trong năm học trở lên thì được chi trả phụ cấp ưu đãi nhà giáo. Theo thống kê giờ giảng của bà Đặng Thị H và bảng chấm công do Trường D – C cung cấp; căn cứ Thông tư 09/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27-6-2008 và Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10-3-2017 của Bộ L3 thì trong các năm học từ năm 2014 đến năm 2021 thì bà Đặng Thị H đều không đạt đủ giờ chuẩn. Vì vậy quyết định đã tuyên của Tòa án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu xét hưởng trợ cấp nhà giáo 30% trong phần lương cơ bản của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không nộp được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo bổ sung của bà Đặng Thị H đề nghị tòa án cấp phúc thẩm buộc Trường Cao đẳng C phải trả: Phụ cấp nhà giáo 30% trong phán quyết về bồi thường 2 tháng tiền lương do thực hiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái pháp luật là 2.977.020 đồng; Tiền phụ cấp nhà giáo 30% trong các phán quyết về khoản tiền trợ cấp theo chính sách tinh giảm biên chế là 33.719.648 đồng và 2 tháng tiền lương theo quy định tại khoản 3 điều 42 Bộ luật Lao động 2012. Xét thấy, những yêu cầu kháng cáo bổ sung trên vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu của nguyên đơn nên HĐXX không có căn cứ xem xét giải quyết.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đặng Thị H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 12; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do bà Đặng Thị H thuộc trường hợp người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm..... nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 12; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H; Giữ nguyên các quyết định của bản án lao động sơ thẩm số 04/2023/LĐ-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Án phí lao động phúc thẩm: Bà Đặng Thị H được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Cảnh